ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN VẠN NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 331 /BC-UBND	*Vạn Ninh, ngày 21 tháng 8 năm 2020*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp giai đoạn 2010-2020 và đề xuất kế hoạch giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn huyện Vạn Ninh

UBND huyện Vạn Ninh nhận được Công văn số 2482/SNN-PTNT ngày 05/8/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Khánh Hòa về việc báo cáo kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp;

UBND huyện Vạn Ninh báo cáo kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp giai đoạn 2010-2020 cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG LAO ĐỘNG NÔNG NGHIỆP VÀ DỰ BÁO

- Số lượng và cơ cấu lao động nông lâm thủy sản giai đoạn 2010-2020:

+ Tổng số lao động nông lâm thủy sản giai đoạn 2010-2015: khoảng 33.102 người;

+ Tổng số lao động nông lâm thủy sản giai đoạn 2016-2020: khoảng 32.858 người;

- Dự báo số lượng và cơ cấu lao động nông lâm thủy sản trên địa bàn huyện đến giai đoạn 2021-2030:

+ Tổng số lao động nông lâm thủy sản giai đoạn 2021-2025: khoảng 32.450 người;

+ Tổng số lao động nông lâm thủy sản giai đoạn 2026-2030: khoảng 31.850 người.

(Đính kèm Biểu 1)

I. THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ NÔNG NGHIỆP

1. Đánh giá chung

Từ năm 2010 đến nay trên địa bàn huyện đã tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho 2.417 người, bình quân mỗi năm đào tạo gần 242 người, với tổng số 75 lớp (trồng trọt 26 lớp, chăn nuôi 18 lớp, thủy sản 31 lớp).

Tỷ lệ lao động có việc làm sau khi được đào tạo nghề đạt trên 90%.

Lao động học nghề xong có thể áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi. Đã thành lập được nhiều tổ hợp sản xuất, hợp tác xã giải quyết việc làm cho nhiều lao động nông thôn.

Từng bước cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, góp phần hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

(Đính kèm Biểu 2)

2. Nguồn lực

Nguồn kinh phí hỗ trợ công tác dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn chủ yếu từ nguồn kinh phí của Đề án 1956 do Trung tâm Khuyến nông và Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và hỗ trợ nông dân tỉnh Khánh Hòa trực tiếp thực hiện.

3. Đánh giá những thuận lợi và khó khăn trong công tác đào tạo nghề nông nghiệp

3.1. Thuận lợi

- UBND huyện đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Huy động được toàn bộ hệ thống chính trị từ cấp huyện đến cơ sở tham gia tích cực trong công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm, kiểm tra giám sát thực hiện Đề án 1956, đặc biệt là sự tham gia phối hợp có hiệu quả của các Trung tâm giáo dục cộng đồng, hội, đoàn thể như: Hội Nông dân, Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên; qua đó đã tác động đến nhận thức của lao động nông thôn về công tác đào tạo nghề được chuyển biến theo hướng tích cực, số lượng lao động nông thôn tham gia học nghề ngày càng tăng.

- Đội ngũ giáo viên dạy nghề của các cơ sở đào tạo nghề công lập đạt chuẩn theo quy định. Giáo viên các cơ sở đào tạo nghề ngoài công lập (các cơ sở sản xuất kinh doanh) phần lớn là thợ lành nghề, đã qua lớp bồi dưỡng kỹ năng dạy học cho người dạy nghề, chủ yếu là tổ chức dạy nghề theo hình thức kèm cặp truyền nghề từ 1 đến dưới 3 tháng.

- Lao động sau đào tạo có việc làm đã góp phần ổn định trật tự an ninh xã hội. Nhiều địa phương đã gắn chương trình xây dựng nông thôn mới với đào tạo nghề, góp phần từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp.

- Hệ thống đào tạo nghề cho lao động nông thôn không ngừng được củng cố và phát triển, từng bước góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, tiếp cận sát với nhu cầu của thị trường lao động, gắn kết với các chương trình giải quyết việc làm, giảm nghèo và các mục tiêu xã hội khác.

3.2. Khó khăn

Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định, song công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Việc triển khai công tác này còn thiếu đồng bộ, chưa phù hợp với đặc điểm của từng địa phương; chưa gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch nông thôn mới, cụ thể:

- Đối với các nghề nông nghiệp như: Chăn nuôi, trồng cây lương thực, thực phẩm, người dân đã tiếp cận được tiến bộ khoa học - kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi, nguồn lợi về thủy, hải sản phong phú, cây trồng, vật nuôi đa dạng nhưng không có nhà máy chế biến nên sản phẩm đầu ra chủ yếu bán sản phẩm thô, không qua chế biến nên giá trị gia tăng không cao; vì vậy, sản phẩm nông nghiệp sản xuất ra khó tiêu thụ, chưa có doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm.

- Đối với những vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện xã hội, kinh tế đặc biệt khó khăn, người dân muốn học nghề nhưng điều kiện đi lại quá khó khăn, tốn kém, nếu có tổ chức đào tạo thì chỉ là các nghề tạo công ăn việc làm tại chỗ.

- Các lớp dạy nghề mở ngay tại địa phương để tiện cho việc theo học của lao động nông thôn nhưng lại thiếu thốn về cơ sở vật chất, không đáp ứng kịp thời trong công tác giảng dạy.

- Một số nghề phát huy được hiệu quả sau đào tạo chưa bền vững, chưa gắn với công ăn việc làm, người lao động sau khi học nghề chưa duy trì được nghề lâu dài để cải thiện cuộc sống.

3.3. Nguyên nhân

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương cấp xã chưa thật sự quan tâm, chỉ đạo tích cực trong việc khảo sát nhu cầu học nghề để xây dựng kế hoạch cũng như tổ chức thực hiện nên dẫn đến tình trạng xây dựng kế hoạch đào tạo chưa sát với thực tế. Người lao động chưa nhận thức, đánh giá được vai trò của học nghề để tạo việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống, có tâm lý ngại đi học nghề.

- Việc phát triển các vùng chuyên canh để tổ chức sản xuất hàng hóa gắn với đào tạo nghề ở các xã còn hạn chế. Một số xã còn lúng túng trong việc xác định nghề đào tạo cho lao động nông thôn phù hợp với chuyển dịch cơ cấu lao động gắn với giải quyết việc làm và phát triển ngành nghề của địa phương.

- Chưa có doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, hỗ trợ bao tiêu sản phẩm; chưa có nhà máy chế biến, thu mua tiêu thụ nông sản nên chưa gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

4. Một số bài học kinh nghiệm

- Nâng cao tinh thần, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong công tác chỉ đạo, điều hành đối với lĩnh vực đào tạo nghề cho lao động nông thôn để nâng cao chất lượng, hiệu quả, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, tăng thêm thu nhập cho người dân.

- Thực hiện tốt công tác điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo của cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn và xác định đối tượng lao động được hỗ trợ học nghề. Cấp xã là cơ quan trực tiếp quản lý đối tượng tham gia học nghề cần phải xác định nghề đào tạo phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sản xuất và quy hoạch xây dựng nông thôn mới của địa phương.

- Công tác tư vấn, tuyên truyền tuyển sinh đối tượng tham gia học nghề phải hướng tới lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thực sự có nhu cầu học nghề và cam kết học nghề để tổ chức sản xuất và làm việc bằng chính nghề đã học mới đăng ký đi học, như vậy số lượng người học giảm đi, kinh phí hỗ trợ tăng thêm để động viên người học tăng hiệu quả đầu tư cho đào tạo nghề.

- Lựa chọn và ký hợp đồng với các cơ sở đào tạo nghề đủ điều kiện, có uy tín, chất lượng.

- Tổ chức dạy và học nghề đối với các nghề được dự báo có việc làm và mức thu nhập sau khi học nghề.

- Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ về vốn, phương tiện sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn sau khi học nghề. Các ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ, tăng cường các điều kiện bảo đảm và quản lý chất lượng dạy nghề. Huy động các tổ chức chính trị - xã hội, khuyến khích các đoàn thể nhân dân, doanh nghiệp và người dân có đủ điều kiện tích cực tham gia công tác dạy nghề và tạo việc làm cho lao động nông thôn.

- Thường xuyên giám sát việc thực hiện và kịp thời tổng hợp ý kiến của nhân dân về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn để kịp thời đề ra biện pháp chỉ đạo phù hợp.

III. NHU CẦU ĐÀO TẠO NGHỀ NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025, 2026-2030 VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Nhu cầu đào tạo

- Số lượng và cơ cấu lao động cần được đào tạo trong giai đoạn 2021-2025: 29 lớp (ngành trồng trọt 10 lớp, ngành chăn nuôi 10 lớp, ngành Lâm nghiệp 01 lớp, ngành thủy sản 08 lớp) với 870 người tham gia.

- Số lượng và cơ cấu lao động cần được đào tạo trong giai đoạn 2026-2030: 28 lớp (ngành trồng trọt 10 lớp, ngành chăn nuôi 10 lớp, ngành Lâm nghiệp 01 lớp, ngành thủy sản 07 lớp) với 840 người tham gia.

- Đối tượng ưu tiên đào tạo thời gian tới là người có hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện, trình độ đào tạo dưới 03 tháng.

2. Các giải pháp tổ chức thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ

- Tiếp tục triển khai và thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 05/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn; Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án 1956 theo Thông báo số 4728/TB-BCĐTW ngày 28/11/2016 của Ban Chỉ đạo Trung ương.

- Tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác đào tạo nghề đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tổ chức đánh giá và nhân rộng các mô hình có hiệu quả trên địa bàn huyện, lồng ghép các chương trình dự án, huy động các nguồn kinh phí để thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Tăng cường mối quan hệ giữa cơ sở đào tạo nghề và các cơ sở sản xuất kinh doanh trong việc phối hợp đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn.

- Thực hiện công tác đào tạo nghề phải gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản để người dân sau khi học nghề xong mạnh dạn chuyển đổi, ứng dụng vào sản xuất.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn từ huyện đến cấp xã để đảm bảo dạy nghề có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu học nghề của người lao động và giải quyết việc làm sau đào tạo 80% có việc làm.

IV. HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Trong giai đoạn 2010-2020 UBND huyện đã chỉ đạo Phòng chuyên môn và Trạm Khuyến nông – Khuyến lâm phối hợp với Trung tâm Khuyến nông và các công ty sản xuất giống cây trồng tổ chức triển khai thực hiện trình diễn 58 mô hình khuyến nông (47 mô hình trồng trọt, 03 mô hình căn nuôi, 03 mô hình lâm nghiệp và 05 mô hình thủy sản).

Phối hợp tổ chức tập huấn về kỹ thuật sản xuất cây trồng, vật nuôi và thủy sản với tổng số 152 lớp (67 lớp về trồng trọt, 32 lớp về chăn nuôi và 53 lớp về thủy sản)

Qua triển khai thực hiện trình diễn các mô hình khuyến nông đa số được bà con nông dân áp dụng và triển khai nhân rộng. Đến nay người dân đã đưa một số giống lúa mới cho năng suất, chất lượng cao vào sản xuất đại trà như giống ANS1, Đài Thơm 8, OM7347... thay thế dần những giống lúa đã thoái

hóa, yếu cây dễ đổ ngã. Đồng thời hình thành các vùng trồng cây ăn quả tập trung có giá trị kinh tế cao như Xoài (*70 ha*), Dừa xiêm (*150 ha*) và các loại cây trồng khác. Đặc biệt là hình thành vùng trồng tỏi tập trung với diện tích khoảng 200 ha, năng suất bình quân đạt 8-10 tấn/ha; xây dựng mô hình sản xuất tỏi theo hướng VietGAP cho Hợp tác xã sản xuất tỏi Vạn Hưng, được Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng III Chứng nhận VietGAP tại Quyết định số 162/QĐ-TTCL3 ngày 01/6/2018.

Đối với chăn nuôi hình thành một số cơ sở nuôi heo công nghiệp có quy trình phòng dịch tốt, có liên kết tiêu thụ sản phẩm tại xã Vạn Bình (*quy mô khoảng 400 con*), nuôi gà thả vườn của Tổ hợp tác Nuôi gà xã Vạn Thọ (*quy mô từ 500 đến 4.000 con/hộ*), nuôi chim cút lấy trứng tại xã Vạn Thọ (*quy mô khoảng 4.000 con*), …

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Hỗ trợ tiền ăn cho đối tượng học nghề là cận nghèo; đồng thời, tăng tuổi học nghề cho đối tượng hết tuổi lao động nhưng còn sức khỏe tốt, cụ thể nam trên 60 tuổi và nữ trên 55 tuổi.

- Tăng mức học phí cho lao động nông thôn tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để bù đắp chi phí cho các hoạt động đào tạo nghề.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp giai đoạn 2010-2020 và đề xuất kế hoạch giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn huyện Vạn Ninh./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chi cục PTNT
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT.

} (VBĐT)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Người ký: Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa
Thời gian ký: 21.08.2020 15:14:05 +07:00

Võ Lục Phẩm

Biểu 1: KẾT QUẢ ĐÀO TẠO NGHỀ NÔNG NGHIỆP CỦA ĐỊA PHƯƠNG TRONG GIAI ĐOẠN 2010-2020 VÀ DỰ BÁO 2021-2030

(Đính kèm Báo cáo số 331 /BC-UBND ngày 21 /8/2020 của UBND huyện Vạn Ninh)

Chỉ tiêu		Kết quả				Dự kiến			
		2010-2015		2016-2020		2021-2025		2026-2030	
		Lực lượng LĐ	LĐ qua đào tạo	Lực lượng LĐ	LĐ qua đào tạo	Lực lượng LĐ	LĐ qua đào tạo	Lực lượng LĐ	LĐ qua đào tạo
Tổng số lao động đang làm việc trong ngành NLTS (người)		**33.102**	**1.756**	**32.858**	**661**	**32.450**	**870**	**31.850**	**840**
Cơ cấu lao động trong nội ngành NLTS (%)									
Phân theo 4 ngành chính	Trồng trọt	50,5	23,1	48,7	61,4	48,5	34,5	48,5	35,7
	Chăn nuôi	10,5	20,6	14,3	34,0	12,3	34,5	12,3	35,7
	Lâm nghiệp	8,7		8,0		8,0	3,4	8,0	3,6
	Thủy sản	30,3	56,3	25,0	4,5	31,2	27,6	31,2	25,0
Phân theo trình độ	Dưới 3 tháng, không cấp chứng chỉ								
	Trong đó: Giới tính nữ								
	Trình độ sơ cấp (từ 3 đến 9 tháng)		100,0		100,0		100,0		100,0
	Trong đó: Giới tính nữ		20,0		27,0		30,0		35,0
	Trình độ trung cấp trở lên								
	Trong đó: Giới tính nữ								
Phân theo đối tượng sử dụng LĐ	Doanh nghiệp	2,0	3,0	2,0	**2,0**	5,0	3,0	10,0	3,0
	HTX	6,0	6,0	6,0	**2,0**	6,0	3,0	3,0	3,0
	Trang trại	2,0	2,0	2,0	**1,0**	2,0	2,0	2,0	2,0
	Hộ gia đình	90,0	90,0	90,0	**95,0**	87,0	92,0	85,0	92,0

Biểu 2: KẾT QUẢ ĐÀO TẠO CỦA KHUYẾN NÔNG

(Đính kèm Báo cáo số 321 /BC-UBND ngày 21 /8/2020 của UBND huyện Vạn Ninh)

Chỉ tiêu		Hoạt động khuyến nông					Tổng kinh phí hoạt động (triệu VNĐ)				
		Số mô hình trình diễn khuyến nông	Số người được tập huấn khuyến nông	Số lớp đào tạo nghề nông nghiệp	Số người được đào tạo nghề trình độ sơ cấp	Số người được đào tạo nghề trình độ dưới 3 tháng	Kinh phí mô hình	Kinh phí tập huấn	Kinh phí tư vấn	Kinh phí tuyên truyền	Khác
Tổng cộng		**58**	**6.080**	**75**	**2.417**		**1.286,3**	**268,7**			
Giai đoạn 2010-2015	**Tổng số**	**16**	**2.040**	**54**	**1.756**		**495,0**	**84,2**			
	Chuyên ngành trồng trọt	13	720	13	406		410,0	29,7			
	Chuyên ngành chăn nuôi		440	11	362			18,2			
	Chuyên ngành lâm nghiệp	3					85,0				
	Chuyên ngành thủy sản		880	30	988			36,3			
Giai đoạn 2016-2020	**Tổng số**	**42**	**4.040**	**21**	**661**		**791,3**	**184,5**			
	Chuyên ngành trồng trọt	34	1.960	13	406		586,0	90,5			
	Chuyên ngành chăn nuôi	3	840	7	225		55,3	35,0			
	Chuyên ngành lâm nghiệp										
	Chuyên ngành thủy sản	5	1.240	1	30		150,0	59,0			